

议定

规定依劳动合同工作的劳工的最低薪资标准

根据2015/6/19《政府组织法》；2019/11/22修改、补充《政府组织法》和《地方政府组织法》若干条款的法典；

根据2019/11/20《劳动法》；

根据劳动荣军与社会部部长的建议；

政府颁布规定依劳动合同工作的劳工的最低薪资额之议定。

第一条：调整范围

本议定规定依劳动合同工作的劳工的最低月薪标准和最低时薪标准。

第二条：适用对象

- 根据劳动法的规定依劳动合同工作的劳工。
- 劳动法规定的雇主包括：
 - 企业法规定的企业。
 - 依协议雇用、聘用劳工为其工作的机关、组织、合作社、家庭户和个人；若雇主为个人，则必须具备完全民事行为能力。
- 与执行本议定规定的最低薪资标注有关的其他机关、组织、个人。

第三条：最低薪资标准

- 根据地区，为雇主工作的劳工的最低月薪标准和最低时薪标准获规定如下：

地区	最低月薪标准 (单位：越盾/月)	最低时薪标准 (单位：越盾/小时)
一类地区	4.960.000	23.800
二类地区	4.410.000	21.200

地区	最低月薪标准 (单位：越盾/月)	最低时薪标准 (单位：越盾/小时)
三类地区	3.860.000	18.600
四类地区	3.450.000	16.600

2. 一类、二类、三类、四类地区的清单获规定于随附本议定的附录。

3. 地区的适用根据雇主经营地点确定如下：

- a) 在哪个地区经营的雇主就适用哪个地区规定的最低薪资标准。
- b) 若雇主在最低薪资标准不同的地区设有分支机构，则分支机构在哪个地区活动就适用哪个地区的最低薪资标准。
- c) 在不同最低薪资标准地区的工业区、出口加工区的雇主，则根据最低薪资标准最高的地区适用。
- d) 在更名或分割行政单位的地区经营的雇主，暂时适用更名或分割行政单位前地区规定的最低薪资最低薪资标准，直至政府作出新决定止。
- d) 在从一个地区或多个最低薪资标准不同的地区新设立地区经营的雇主，依照最低薪资标准最高的地区适用最低薪资标准。
- e) 在从一个地区或四类地区多个地区新设立的省辖市地区经营的雇主，适用随附本议定附录第3款规定的其余省辖市最低薪资标准。

第四条：最低薪资标准的适用

1. 最低月薪标准是指作为与适用按月给付薪资形式的劳工协商和给付薪资的依据的最低薪资标准，确保当月有足够的工作正常时间及完成劳动定额或约定的工作的劳工的工作、职位薪资额不低于最低月薪标准。
2. 最低时薪标准是指作为与适用按时间给付薪资形式的劳工协商和给付薪资的依据的最低薪资标准，确保在一个小时内工作及完成劳动定额或约定的工作的劳工的工作、职位薪资额不低于最低时薪标准。
3. 对于适用周薪或日薪或产品计件或承包方式给付薪资的劳工，若按月或小时兑换，这些给付薪资方式的薪资标准不得低于最低月薪标准或最低时薪标准。根据雇主依劳动法的规定选择的正常工作时间的按月或小时兑换的薪资标准如下：
 - a) 按月兑换的薪资标准等于周薪标准乘以52周除以12个月；或日薪标准乘以当月正常工作天数；或当月正常工作时间内的产品计件、承包薪资标准。

b) 按时间兑换的薪资标准等于周薪、日期除以当周、当日正常工作时数；或产品计件、承包的薪资标准除以正常工作时间内生产产品、执行承包任务的工作时数。

第五条：效力与实施责任

1. 本协议自2024年7月1日起生效。

2. 政府于 2022/6/12规定关于按劳动合同工作的劳工的最低薪资标准之第38/2022/NĐ-CP号议定自2024/7/1起失效。

3. 在落实本协议规定的最低最低薪资标准，雇主负责对与劳工约定的劳动合同、劳动集体协议及雇主的规制、规定中的薪资给付制度进行重新审查，以作出适当的调整、补充。对于对劳工更有利的所约定、承诺的薪资给付内容（如从事工作、职位必须经过职业培训、学艺的劳工的薪资必须至少高于最低薪资标准7%的薪资给付制度；从事有繁重、毒害、危险劳动条件的工作、职位的劳工的薪资必须至少高于最低薪资标准5%；从事有特别繁重、毒害、危险劳动条件的工作、职位的劳工的薪资必须至少高于在正常劳动条件下复杂度相同的工作、职位的最低薪资标准7%），则可以继续适用，除非各方另有约定。雇主不得取消或减少劳动法规定的加班薪、夜班薪制度、实物补偿制度及其他制度。

各部级部长、副部长、政府下属机关的副部长、中央直辖省、市人委会主席、雇主负责落实本协议定。

收件处：

- 政党中央秘书委员会；
- 政府总理、各副总理；
- 中央直辖省、市人民议会、人委会；
- 党中央办公室和各委会；
- 总秘书办公室；
- 国家主席办公室；
- 民族议会和过会各委员会；
- 国会办公室；
- 人民最高法院；
- 人民最高检察院；
- 国家审计；
- 国家财政监察委员会；
- 社会政策银行；
- 越南发展银行；
- 越南祖国阵线中央委员会；

代表政府

代总理签

副总理

(已签名盖章)

黎明慨



23 Ni Su Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
热线: +84 933 341 688 微信: everwinservice LINE: everwin888

- 各团体中央机关；
- 政府办公室：部长兼主任、各副主任、总理助理、电子信息门户、各委会、局、直属单位、公报；
- 存档：文书、KTTH (3)。

~ 恒利翻译，谨供参考 ~



EVERWIN
SERVICE GROUP
恒利服務集團

23 Ni Su Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
热 线: +84 933 341 688 微 信: everwinservice LINE: everwin888

附录

2024年7月1日起适用最低薪资标准的地区清单

(随附政府2024年6月30日第74/2024/ND-CP号议定)

1. 一类地区，包括以下地区：

- 河内市辖属郡区、嘉林县(Gia Lam)、东英县(Dong Anh)、蓄山县(Soc Son)、清驰县(Thanh Tri)、常信县(Thuong Tin)、怀德县(Hoai Duc)、石室县(Thach That)、国威县(Quoc Oai)、清威县(Thanh Oai)、糜玲县(Me Linh)、章美县(Chuong My)及山西市社(Son Tay)；
- 广宁省的下龙市(Ha Long)、汪秘市(Uong Bi)、芒街市(Mong Cai)以及广安市社(Quang Yen)和东潮市社(Dong Trieu)；
- 海防市辖属郡区、水原县(Thuy Nguyen)、安阳县(An Duong)、安老县(An Lao)、永保县(Vinh Bao)、仙郎县(Tien Lang)、吉海县(Cat Hai)及建垂县(Kien Thuy)；
- 海阳省辖属海阳市(Hai Duong)；
- 胡志明市辖属郡区、首德市(Thu Duc)、古芝县(Cu Chi)、福门县(Hoc Mon)、平政县(Binh Chanh)及芽皮县(Nha Be)；
- 同奈省辖属边和市(Bien Hoa)、隆庆市(Long Khanh)、仁泽县(Nhon Trach)、隆城县(Long Thanh)、永久县(Vinh Cuu)、盞泵县(Trang Bom)、春禄县(Xuan Loc)、统一县(Thong Nhat)；
- 平阳省辖属土龙木市(Thu Dau Mot)、顺安市(Thuan An)、逸安市(Di An)、新渊市(Tan Uyen)；滨葛市(Ben Cat)及保盘县(Bau Bang)、北新渊县(Bac Tan Uyen)、油声(Dau Tieng)及富教(Phu Giao)；
- 巴地头顿省辖属头顿市(Vung Tau)、富美市社(Phú Mỹ)。
- 隆安省辖属新安市(Tan An)、德和县(Duc Hoa)、滨沥县(Ben Luc)、芹玉县(Can Giuoc)。

2. 二类地区，包括以下地区：

- 河内市辖属其余县区；
- 老街省辖属老街市(Lao Cai)；
- 太原省辖属太原市(Thai Nguyen)、公河市(Song Cong)及普安市(Pho Yen)；
- 和平省辖属和平市(Hoa Binh)、良山县(Luong Son)；
- 富寿省辖属越驰市(Viet Tri)；
- 北江省辖属北江市(Bac Giang)、越安市社(Viet Yen)、安勇县(Yen Dung)；
- 永福省辖属永安市(Vinh Yen)、福安市(Phuc Yen)、平川县(Binh Xuyen)及安乐县(Yen Lac)；
- 北宁省辖属北宁市(Bac Ninh)、慈山市(Tu Son)、顺成市社(Thuan Thanh)、桂武市社(Que Vo)、仙瑜县(Tien Du)、安丰县(Yen Phong)、嘉平县(Gia Binh)及良才县(Luong Tai)；



- 兴安省辖属兴安市(Hung Yen)、美豪市社(My Hao)、文林县(Van Lam)、文江县(Van Giang)及安美县(Yen My)；
- 海阳省辖属至灵市(Chi Linh)、京门市社(Kinh Mon)、锦让县(Cam Giang)、平江县(Binh Giang)、肆祺县(Tu Ky)、嘉禄县(Gia Loc)、南策县(Nam Sach)、金城县(Kim Thanh)；
- 广宁省辖属锦普市(Cam Pha)；
- 海防市辖属其余县区；
- 太平省辖属太平市(Thai Binh)；
- 南定省辖属南定市(Nam Dinh)及美禄县(My Loc)；
- 宁平省辖属宁平市(Ninh Binh)；
- 清化省辖属清化市(Thanh Hoa)和岑山市(Sam Son)、扁山市社(Bim Son)和宜山市社(Nghi Son)；
- 义安省辖属荣市(Vinh)、炉门市社(Cua Lo)、宜禄县(Nghi Loc)和兴元县(Hung Nguyen)；
- 广平省辖属洞海市(Dong Hoi)；
- 承天顺化省辖属顺化市(Hue)；
- 广南省辖属会安市(Hoi An)、三岐市(Tam Ky)；
- 岘港市辖属各区、县；
- 庆和省辖属芽庄市(Nha Trang)、金兰市(Cam Ranh)、宁和市社(Ninh Hoa)；
- 林同省辖属大勒市(Da Lat)及保禄市(Bao Loc)；
- 平顺省辖属藩切市(Phan Thiet)；
- 胡志明市辖属芹耶县(Can Gio)；
- 西宁省辖市西宁市(Tay Ninh)、展鹏市社(Trang Bang)、和城市社(Hoa Thanh)及鹅油县(Go Dau)；
- 同奈省辖属定馆县(Dinh Quan)、新富县(Tan Phu)、锦美县(Cam My)；
- 平福省辖属同帅市(Dong Xoai)、真诚市社(Chon Thanh)及同富县(Dong Phu)；
- 巴地头顿省辖属巴地市(Ba Ria)；
- 隆安省辖属守承县(Thu Thua)、芹德县(Can Duoc)及建祥市社(Kien Tuong)；
- 前江省辖属美拖市(My Tho)及周城县(Chau Thanh)；
- 芹苴市辖属郡区；
- 坚江省辖属迪石市(Rach Gia)、河仙市(Ha Tien)及富国市(Phu Quoc)；
- 安江省辖属东川市(Long Xuyen)及朱笃市(Chau Doc)；



- 茶荣省辖属茶荣市(Tra Vinh)；
- 朔庄省辖属朔庄市(Soc Trang)；
- 薄寮省辖属薄寮市(Bac Lieu)；
- 金瓯省辖属金瓯市(Ca Mau)。

3. 三类地区，包括以下地区：

- 其余各省辖属市区(一类、二类地区所列省辖市除外)；
- 老街省辖属沙巴市社(Sa Pa)及宝胜县(Bao Thang)；
- 太原省辖属富平县(Phu Binh)、富良县(Phu Luong)、同喜县(Dong Hy)及大慈县(Dai Tu)；
- 北江省辖属协和县(Hiep Hoa)、新安县(Tan Yen)及谅江县(Lang Giang)；
- 海阳省辖属宁江县(Ninh Giang)；青沔县(Thanh Mien)、青河县(Thanh Ha)；
- 富寿省辖属富寿市社(Phu Tho)、符宁县(Phu Ninh)、林操县(Lam Thao)、清波县(Thanh Ba)及三农县(Tam Nong)；
- 永福省辖属永祥县(Vinh Tuong)、三岛县(Tam Dao)、三扬县(Tam Duong)、立石县(Lap Thach)及芦江县(Song Lo)；
- 广宁省辖属云屯县(Van Don)、海河县(Hai Ha)、潭河县(Dam Ha)及先安县(Tien Yen)；
- 兴安省(Hung Yen)辖属其余县区；
- 太平省辖属太瑞县(Thai Thuy)及钱海县(Tien Hai)；
- 南定省辖属其余县区；
- 河南省辖属维先市社(Duy Tien)及金榜县(Kim Bang)；
- 宁平省辖属嘉远县(Gia Vien)、安庆县(Yen Khanh)及华炉县(Hoa Lu)；
- 清化省辖属东山县(Dong Son)、广昌县(Quang Xuong)、肇山县(Trieu Son)、寿春县(Tho Xuan)、安定县(Yen Dinh)、永禄县(Vinh Loc)、绍化县(Thieu Hoa)、河中县(Ha Trung)、厚禄县(Hau Loc)、峨山县(Nga Son)、弘化县(Hoang Hoa)、农贡县(Nong Cong)；
- 乂安省辖属琼瑠县(Quynh Luu)、安城县(Yen Thanh)、滨州县(Dien Chau)、都梁县(Do Luong)、南坛县(Nam Dan)、义坛县(Nghia Dan)、太和市社(Thai Hoa)、黄梅市社(Hoang Mai)；
- 河静省辖属祺英市社(Ky Anh)；
- 承天顺化省辖属香水市社(Huong Thuy)、香茶市社(Huong Tra)、富禄县(Phu Loc)、丰田县(Phong Dien)、广田县(Quang Dien)及富旺县(Phu Vang)；
- 广南省辖属殿盘市社(Dien Ban)、大禄县(Dai Loc)、维川县(Duy Xuyen)、山城县(Nui Thanh)、桂山县(Que Son)、升平县(Thang Binh)及富宁(Phu Ninh)；

- 广义省辖属平山县(Binh Son)及山靖县(Son Tinh)；
- 富安省辖属河桥市社(Song Cau)及东和市社(Dong Hoa)；
- 宁顺省辖属宁海县(Ninh Hai)及顺北县(Thuan Bac) 及宁福县(Ninh Phuoc)；
- 庆和省辖属甘林县(Cam Lam)、延庆县(Dien Khanh)及万宁县(Van Ninh)；
- 昆嵩省辖属德河县(Dak Ha)；
- 林同省辖属德重县(Duc Trong)及夷玲县(Di Linh)；
- 平顺省辖属罗夷市社(La Gi)、咸顺北县(Ham Thuan Bac)及咸顺南县(Ham Thuan Nam)；
- 平福省辖属福隆市社(Phuoc Long)、平隆市社(Binh Long)、汉广县(Hon Quan)、禄宁(Loc Ninh)及富沿(Phu Rieng)；
- 西宁省辖属其余县区；
- 巴地头顿省辖属隆田县(Long Dien)、红土县(Dat Do)、川木县(Xuyen Moc)、周德县(Chau Duc)及昆岛县(Con Dao)；
- 隆安省辖属德惠县(Duc Hue)、周城(Chau Thanh)、新柱县(Tan Tru)及盛化县(Thanh Hoa)；
- 前江省辖属丐礼市社(Cai Lay)、米市县(Cho Gao)及新福县(Tan Phuoc)县；
- 槟榔省辖属巴知县(Ba Tri)、平大县(Binh Dai)、南梅祺县(Mo Cay Nam)；
- 永隆省辖属斌沔县(Mang Thit)及隆湖县(Long Ho)；
- 芹苴市辖属县区；
- 坚江省辖属坚良县(Kien Luong)、坚海县(Kien Hai)及周城县(Chau Thanh)；
- 安江省辖属新州市社(Tan Chau)、周富县(Chau Phu)、周城县(Chau Thanh)及瑞山县(Thoai Son)；
- 后江省辖属周城县(Chau Thanh)及周城A县(Chau Thanh A)；
- 茶荣省辖属沿海市社(Duyen Hai)；
- 薄寮省辖属嘉莱市社(Gia Rai)及和平县(Hoa Binh)；
- 蓄臻省辖属永周市社(Vinh Chau)及五岔市社(Nga Nam)；
- 金瓯省辖属伍根县(Nam Can)、盖略县(Cai Nuoc)、幽明县(U Minh)及陈文时县(Tran Van Thoi)；
- 广平省辖属丽水县(Le Thuy)、广宁县(Quang Ninh)、布泽县(Bo Trach)、广泽县(Quang Trach)及巴屯市社(Ba Don)。

4. 四类地区，包括其余地区。



NGHỊ ĐỊNH

Quy định mức lương tối thiểu
đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ áp dụng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.

2. Người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, bao gồm:

a) Doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) Cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng người lao động làm việc cho mình theo thỏa thuận; trường hợp người sử dụng lao động là cá nhân thì phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện mức lương tối thiểu quy định tại Nghị định này.

Điều 3. Mức lương tối thiểu

1. Quy định mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ đối với người lao động làm việc cho người sử dụng lao động theo vùng như sau:

Vùng	Mức lương tối thiểu tháng (Đơn vị: đồng/tháng)	Mức lương tối thiểu giờ (Đơn vị: đồng/giờ)
Vùng I	4.960.000	23.800
Vùng II	4.410.000	21.200
Vùng III	3.860.000	18.600
Vùng IV	3.450.000	16.600

2. Danh mục địa bàn vùng I, vùng II, vùng III, vùng IV được quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

3. Việc áp dụng địa bàn vùng được xác định theo nơi hoạt động của người sử dụng lao động như sau:

a) Người sử dụng lao động hoạt động trên địa bàn thuộc vùng nào thì áp dụng mức lương tối thiểu quy định đối với địa bàn đó.

b) Người sử dụng lao động có đơn vị, chi nhánh hoạt động trên các địa bàn có mức lương tối

thiếu khác nhau thì đơn vị, chi nhánh hoạt động ở địa bàn nào, áp dụng mức lương tối thiểu quy định đối với địa bàn đó.

c) Người sử dụng lao động hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất nằm trên các địa bàn có mức lương tối thiểu khác nhau thì áp dụng theo địa bàn có mức lương tối thiểu cao nhất.

d) Người sử dụng lao động hoạt động trên địa bàn có sự thay đổi tên gọi hoặc chia đơn vị hành chính thì tạm thời áp dụng mức lương tối thiểu quy định đối với địa bàn trước khi thay đổi tên gọi hoặc chia đơn vị hành chính cho đến khi Chính phủ có quy định mới.

đ) Người sử dụng lao động hoạt động trên địa bàn được thành lập mới từ một địa bàn hoặc nhiều địa bàn có mức lương tối thiểu khác nhau thì áp dụng mức lương tối thiểu theo địa bàn có mức lương tối thiểu cao nhất.

e) Người sử dụng lao động hoạt động trên địa bàn là thành phố trực thuộc tỉnh được thành lập mới từ một địa bàn hoặc nhiều địa bàn thuộc vùng IV thì áp dụng mức lương tối thiểu quy định đối với địa bàn thành phố trực thuộc tỉnh còn lại tại khoản 3 Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 4. Áp dụng mức lương tối thiểu

1. Mức lương tối thiểu tháng là mức lương thấp nhất làm cơ sở để thỏa thuận và trả lương đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo tháng, bảo đảm mức lương theo công việc hoặc chức danh của người lao động làm việc đủ thời giờ làm việc bình thường trong tháng và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận không được thấp hơn mức lương tối thiểu tháng.

2. Mức lương tối thiểu giờ là mức lương thấp nhất làm cơ sở để thỏa thuận và trả lương đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo giờ, bảo đảm mức lương theo công việc hoặc chức danh của người lao động làm việc trong một giờ và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận không được thấp hơn mức lương tối thiểu giờ.

3. Đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo tuần hoặc theo ngày hoặc theo sản phẩm hoặc lương khoán thì mức lương của các hình thức trả lương này nếu quy đổi theo tháng hoặc theo giờ không được thấp hơn mức lương tối thiểu tháng hoặc mức lương tối thiểu giờ. Mức lương quy đổi theo tháng hoặc theo giờ trên cơ sở thời giờ làm việc bình thường do người sử dụng lao động lựa chọn theo quy định của pháp luật lao động như sau:

a) Mức lương quy đổi theo tháng bằng mức lương theo tuần nhân với 52 tuần chia cho 12 tháng; hoặc mức lương theo ngày nhân với số ngày làm việc bình thường trong tháng; hoặc mức lương theo sản phẩm, lương khoán thực hiện trong thời giờ làm việc bình thường trong tháng.

b) Mức lương quy đổi theo giờ bằng mức lương theo tuần, theo ngày chia cho số giờ làm việc bình thường trong tuần, trong ngày; hoặc mức lương theo sản phẩm, lương khoán chia cho số giờ làm việc trong thời giờ làm việc bình thường để sản xuất sản phẩm, thực hiện nhiệm vụ khoán.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

2. Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

3. Khi thực hiện mức lương tối thiểu quy định tại Nghị định này, người sử dụng lao động có trách nhiệm rà soát lại các chế độ trả lương trong hợp đồng lao động đã thỏa thuận với người lao động, thỏa ước lao động tập thể và các quy chế, quy định của người sử dụng lao động để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Đối với các nội dung trả lương đã thỏa thuận, cam kết mà có lợi hơn cho người lao động (như chế độ trả lương cho người lao động làm công việc hoặc chức danh đòi hỏi qua học tập, đào tạo nghề cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu và chế độ trả lương cho người lao động làm công việc hoặc chức danh có điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm cao hơn ít nhất 5%; công việc hoặc chức danh có điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm cao hơn ít nhất 7% so với mức lương của công việc hoặc chức danh có độ phức tạp tương đương, làm việc trong điều kiện lao động bình thường) thì tiếp tục được thực hiện, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Người sử

dụng lao động không được xoá bỏ hoặc cắt giảm các chế độ tiền lương khi người lao động làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật và các chế độ khác theo quy định của pháp luật lao động.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và người sử dụng lao động chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Lê Minh Khái

Phụ lục
DANH MỤC ĐỊA BÀN ÁP DỤNG MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU
TỪ NGÀY 01 THÁNG 7 NĂM 2024
(Kèm theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP
ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ)

1. Vùng I, gồm các địa bàn:

- Các quận và các huyện Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, Thanh Trì, Thường Tín, Hoài Đức, Thạch Thất, Quốc Oai, Thanh Oai, Mê Linh, Chương Mỹ và thị xã Sơn Tây thuộc thành phố Hà Nội;
- Các thành phố Hạ Long, Uông Bí, Móng Cái và các thị xã Quảng Yên, Đông Triều thuộc tỉnh Quảng Ninh;
- Các quận và các huyện Thủy Nguyên, An Dương, An Lão, Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, Cát Hải, Kiến Thụy thuộc thành phố Hải Phòng;
- Thành phố Hải Dương thuộc tỉnh Hải Dương;
- Các quận, thành phố Thủ Đức và các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè thuộc Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các thành phố Biên Hòa, Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Xuân Lộc, Thống Nhất thuộc tỉnh Đồng Nai;
- Các thành phố Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An, Tân Uyên, Bến Cát và các huyện Bàu Bàng, Bắc Tân Uyên, Dầu Tiếng, Phú Giáo thuộc tỉnh Bình Dương;
- Thành phố Vũng Tàu, thị xã Phú Mỹ thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Thành phố Tân An và các huyện Đức Hòa, Bến Lức, Cần Giuộc thuộc tỉnh Long An.

2. Vùng II, gồm các địa bàn:

- Các huyện còn lại thuộc thành phố Hà Nội;
- Thành phố Lào Cai thuộc tỉnh Lào Cai;
- Các thành phố Thái Nguyên, Sông Công và Phổ Yên thuộc tỉnh Thái Nguyên;
- Thành phố Hoà Bình và huyện Lương Sơn thuộc tỉnh Hòa Bình;
- Thành phố Việt Trì thuộc tỉnh Phú Thọ;
- Thành phố Bắc Giang, thị xã Việt Yên và huyện Yên Dũng thuộc tỉnh Bắc Giang;
- Các thành phố Vĩnh Yên, Phúc Yên và các huyện Bình Xuyên, Yên Lạc thuộc tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các thành phố Bắc Ninh, Từ Sơn; các thị xã Thuận Thành, Quế Võ và các huyện Tiên Du, Yên Phong, Gia Bình, Lương Tài thuộc tỉnh Bắc Ninh;
- Thành phố Hưng Yên, thị xã Mỹ Hào và các huyện Văn Lâm, Văn Giang, Yên Mỹ thuộc tỉnh Hưng Yên;
- Thành phố Chí Linh, thị xã Kinh Môn và các huyện Cẩm Giàng, Bình Giang, Tứ Kỳ, Gia Lộc, Nam Sách, Kim Thành thuộc tỉnh Hải Dương;
- Thành phố Cẩm Phả thuộc tỉnh Quảng Ninh;
- Các huyện còn lại thuộc thành phố Hải Phòng;
- Thành phố Thái Bình thuộc tỉnh Thái Bình;
- Thành phố Nam Định và huyện Mỹ Lộc thuộc tỉnh Nam Định;
- Thành phố Ninh Bình thuộc tỉnh Ninh Bình;

- Các thành phố Thanh Hóa, Sầm Sơn và các thị xã Bỉm Sơn, Nghi Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa;
 - Thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò và các huyện Nghi Lộc, Hưng Nguyên thuộc tỉnh Nghệ An;
 - Thành phố Đồng Hới thuộc tỉnh Quảng Bình;
 - Thành phố Huế thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế;
 - Các thành phố Hội An, Tam Kỳ thuộc tỉnh Quảng Nam;
 - Các quận, huyện thuộc thành phố Đà Nẵng;
 - Các thành phố Nha Trang, Cam Ranh và thị xã Ninh Hòa thuộc tỉnh Khánh Hòa;
 - Các thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc thuộc tỉnh Lâm Đồng;
 - Thành phố Phan Thiết thuộc tỉnh Bình Thuận;
 - Huyện Cần Giờ thuộc Thành phố Hồ Chí Minh;
 - Thành phố Tây Ninh, các thị xã Trảng Bàng, Hòa Thành và huyện Gò Dầu thuộc tỉnh Tây Ninh;
 - Các huyện Định Quán, Tân Phú, Cẩm Mỹ thuộc tỉnh Đồng Nai;
 - Thành phố Đồng Xoài, thị xã Chơn Thành và huyện Đồng Phú thuộc tỉnh Bình Phước;
 - Thành phố Bà Rịa thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
 - Các huyện Thủ Thừa, Cần Đước và thị xã Kiến Tường thuộc tỉnh Long An;
 - Thành phố Mỹ Tho và huyện Châu Thành thuộc tỉnh Tiền Giang;
 - Thành phố Bến Tre và huyện Châu Thành thuộc tỉnh Bến Tre;
 - Thành phố Vĩnh Long và thị xã Bình Minh thuộc tỉnh Vĩnh Long;
 - Các quận thuộc thành phố Cần Thơ;
 - Các thành phố Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc thuộc tỉnh Kiên Giang;
 - Các thành phố Long Xuyên, Châu Đốc thuộc tỉnh An Giang;
 - Thành phố Trà Vinh thuộc tỉnh Trà Vinh;
 - Thành phố Sóc Trăng thuộc tỉnh Sóc Trăng;
 - Thành phố Bạc Liêu thuộc tỉnh Bạc Liêu;
 - Thành phố Cà Mau thuộc tỉnh Cà Mau.
3. Vùng III, gồm các địa bàn:
- Các thành phố trực thuộc tỉnh còn lại (trừ các thành phố trực thuộc tỉnh nêu tại vùng I, vùng II);
 - Thị xã Sa Pa, huyện Bảo Thắng thuộc tỉnh Lào Cai;
 - Các huyện Phú Bình, Phú Lương, Đồng Hỷ, Đại Từ thuộc tỉnh Thái Nguyên;
 - Các huyện Hiệp Hòa, Tân Yên, Lạng Giang thuộc tỉnh Bắc Giang;
 - Các huyện Ninh Giang, Thanh Miện, Thanh Hà thuộc tỉnh Hải Dương;
 - Thị xã Phú Thọ và các huyện Phù Ninh, Lâm Thao, Thanh Ba, Tam Nông thuộc tỉnh Phú Thọ;
 - Các huyện Vĩnh Tường, Tam Đảo, Tam Dương, Lập Thạch, Sông Lô thuộc tỉnh Vĩnh Phúc;
 - Các huyện Vân Đồn, Hải Hà, Đầm Hà, Tiên Yên thuộc tỉnh Quảng Ninh;
 - Các huyện còn lại thuộc tỉnh Hưng Yên;
 - Các huyện Thái Thụy, Tiền Hải thuộc tỉnh Thái Bình;

- Các huyện còn lại thuộc tỉnh Nam Định;
- Thị xã Duy Tiên và huyện Kim Bảng thuộc tỉnh Hà Nam;
- Các huyện Gia Viễn, Yên Khánh, Hoa Lư thuộc tỉnh Ninh Bình;
- Các huyện Đông Sơn, Quảng Xương, Triệu Sơn, Thọ Xuân, Yên Định, Vĩnh Lộc, Thiệu Hóa, Hà Trung, Hậu Lộc, Nga Sơn, Hoằng Hóa, Nông Cống thuộc tỉnh Thanh Hóa;
- Các huyện Quỳnh Lưu, Yên Thành, Diễn Châu, Đô Lương, Nam Đàn, Nghĩa Đàn và các thị xã Thái Hòa, Hoàng Mai thuộc tỉnh Nghệ An;
- Thị xã Kỳ Anh thuộc tỉnh Hà Tĩnh;
- Các thị xã Hương Thủy, Hương Trà và các huyện Phú Lộc, Phong Điền, Quảng Điền, Phú Vang thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Thị xã Điện Bàn và các huyện Đại Lộc, Duy Xuyên, Núi Thành, Quế Sơn, Thăng Bình, Phú Ninh thuộc tỉnh Quảng Nam;
- Các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh thuộc tỉnh Quảng Ngãi;
- Các thị xã Sông Cầu, Đông Hòa thuộc tỉnh Phú Yên;
- Các huyện Ninh Hải, Thuận Bắc, Ninh Phước thuộc tỉnh Ninh Thuận;
- Các huyện Cam Lâm, Diên Khánh, Vạn Ninh thuộc tỉnh Khánh Hòa;
- Huyện Đăk Hà thuộc tỉnh Kon Tum;
- Các huyện Đức Trọng, Di Linh thuộc tỉnh Lâm Đồng;
- Thị xã La Gi và các huyện Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam thuộc tỉnh Bình Thuận;
- Các thị xã Phước Long, Bình Long và các huyện Hớn Quản, Lộc Ninh, Phú Riềng thuộc tỉnh Bình Phước;
- Các huyện còn lại thuộc tỉnh Tây Ninh;
- Các huyện Long Điền, Đất Đỏ, Xuyên Mộc, Châu Đức, Côn Đảo thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Các huyện Đức Huệ, Châu Thành, Tân Trụ, Thạnh Hóa thuộc tỉnh Long An;
- Thị xã Cai Lậy và các huyện Chợ Gạo, Tân Phước thuộc tỉnh Tiền Giang;
- Các huyện Ba Tri, Bình Đại, Mỏ Cày Nam thuộc tỉnh Bến Tre;
- Các huyện Mang Thít, Long Hồ thuộc tỉnh Vĩnh Long;
- Các huyện thuộc thành phố Cần Thơ;
- Các huyện Kiên Lương, Kiên Hải, Châu Thành thuộc tỉnh Kiên Giang;
- Thị xã Tân Châu và các huyện Châu Phú, Châu Thành, Thoại Sơn thuộc tỉnh An Giang;
- Các huyện Châu Thành, Châu Thành A thuộc tỉnh Hậu Giang;
- Thị xã Duyên Hải thuộc tỉnh Trà Vinh;
- Thị xã Giá Rai và huyện Hòa Bình thuộc tỉnh Bạc Liêu;
- Các thị xã Vĩnh Châu, Ngã Năm thuộc tỉnh Sóc Trăng;
- Các huyện Năm Căn, Cái Nước, U Minh, Trần Văn Thời thuộc tỉnh Cà Mau;
- Các huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh, Bố Trạch, Quảng Trạch và thị xã Ba Đồn thuộc tỉnh Quảng Bình.

4. Vùng IV, gồm các địa bàn còn lại.